

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **3982** /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày *22* tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Đồng Nai 3

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Đồng Nai;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Đồng Nai 3.

Điều 2. Điều khoản thi hành

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Quyết định này thay thế Quyết định số 1367/QĐ-BCT ngày 24 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Đồng Nai 3.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Cục trưởng các Cục: Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Điện lực và Năng lượng tái tạo, Điều tiết điện lực; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Nông; Trưởng ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Nông; Giám đốc Sở Công Thương các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Nông; Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng giám đốc Tổng công ty Phát điện 1, Giám đốc Công ty Thủy điện Đồng Nai và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*ly*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ATMT.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Hoàng Quốc Vượng

CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI
Số: 1059
Ngày: 30/10/2018
Chuyên: ...
Lưu hồ sơ số: ...
ĐẾN

QUY TRÌNH

Vận hành hồ chứa thủy điện Đồng Nai 3

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3982/QĐ-BCT
ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mọi hoạt động liên quan đến việc quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy điện Đồng Nai 3 phải tuân thủ:

1. Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội.
2. Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Quốc hội.
3. Luật Khí tượng thủy văn số 90/2015/QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.
4. Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội.
5. Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội.
6. Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai.
7. Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.
8. Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa thủy điện, thủy lợi.
9. Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.
10. Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.
11. Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

12. Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn.

13. Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai.

14. Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Đồng Nai.

15. Thông tư số 34/2010/TT-BCT ngày 07 tháng 10 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập của công trình thủy điện.

16. Thông tư số 43/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định về quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện.

17. Thông tư số 03/2012/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc quản lý, sử dụng đất vùng bán ngập lòng hồ thủy điện, thủy lợi.

18. Thông tư số 64/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu các hồ chứa, đập dâng.

19. Thông tư số 65/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa.

20. Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

21. Các văn bản pháp luật và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành khác có liên quan.

Điều 2. Nhiệm vụ vận hành công trình

Quy trình này áp dụng cho công tác vận hành hồ chứa thủy điện Đồng Nai 3 nhằm đảm bảo các yêu cầu nhiệm vụ công trình theo thứ tự ưu tiên sau:

1. Trong mùa lũ:

a) Đảm bảo an toàn công trình

Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công trình thủy điện Đồng Nai 3, chủ động đề phòng mọi bất trắc, với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 5.000 năm, không được để mực nước hồ Đồng Nai 3 vượt mực nước lũ kiểm tra ở cao trình 593,24 m;

b) Góp phần giảm lũ cho hạ du;

c) Đảm bảo dòng chảy tối thiểu trên sông và nhu cầu sử dụng nước tối

thiếu ở hạ du nhà máy;

d) Đảm bảo hiệu quả phát điện.

2. Trong mùa cạn:

a) Đảm bảo an toàn công trình;

b) Đảm bảo dòng chảy tối thiểu trên sông và nhu cầu sử dụng nước tối thiểu ở hạ du nhà máy;

c) Đảm bảo hiệu quả phát điện.

Điều 3. Các thông số chính của công trình.

1. Tên công trình: Công trình thủy điện Đồng Nai 3.

2. Địa điểm xây dựng:

Trên sông Đồng Nai thuộc địa phận các huyện Bảo Lâm, huyện Di Linh, và huyện Lâm Hà tỉnh Lâm Đồng và huyện Đăk GLong Tỉnh Đăk Nông.

3. Cấp công trình: Công trình cấp I theo TCXD VN 285 : 2002.

4. Thông số kỹ thuật chính:

Mức nước dâng bình thường (MNDBT): 590 m

Mức nước chết (MNC): 570 m

Mức nước lũ thiết kế (MNLTK): 590 m

Mức nước lũ kiểm tra (MNLKT): 593,24 m

Dung tích toàn bộ (Vtb): 1690,1 triệu m³

Dung tích hữu ích (Vhi): 891,5 triệu m³

Công suất lắp máy (Nlm): 180 MW

Lưu lượng đỉnh lũ thiết kế/ Khả năng xả của đập tràn ứng với mực nước lũ thiết kế (590m): 10400 m³/s / 10188 m³/s.

Lưu lượng đỉnh lũ kiểm tra/ Khả năng xả của đập tràn ứng với mực nước lũ kiểm tra (593,24m) 14300 m³/s /13283 m³/s.

Các thông số kỹ thuật khác của công trình được trình bày tại Phụ lục 1 kèm theo.

Điều 4. Quy định phân loại lũ và thời kỳ mùa lũ, mùa cạn.

1. Quy định về phân loại lũ đối với Thủy điện Đồng Nai 3.

a) Lũ nhỏ và vừa: Lưu lượng đỉnh lũ từ 816 m³/s đến nhỏ hơn 1153 m³/s;

b) Lũ lớn: Lưu lượng đỉnh lũ từ 1153 m³/s đến nhỏ hơn 1612 m³/s;

c) Lũ đặc biệt lớn: Lưu lượng đỉnh lũ từ 1612 đến nhỏ hơn hoặc bằng 2207 m³/s;

d) Lũ lịch sử: Lưu lượng đỉnh lũ lớn hơn 2207 m³/s.

2. Thời kỳ mùa lũ, mùa cạn để áp dụng các quy định vận hành đối với

Thủy điện Đồng Nai 3:

- a) Mùa lũ từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 30 tháng 11;
- b) Mùa cạn từ ngày 1 tháng 12 đến ngày 30 tháng 6 năm sau.

Điều 5. Trình tự, phương thức vận hành cửa van đập tràn

1. Các cửa van đập tràn được đánh số từ I đến V theo thứ tự từ trái sang phải (theo hướng nhìn từ thượng lưu);

2. Trình tự mở các cửa van quy định như sau: III, I, V, II, IV thứ tự mở sau thực hiện sau khi hoàn thành thứ tự mở trước đó với phương thức như quy định tại Bảng 1. Trình tự đóng các cửa van được thực hiện ngược với trình tự mở IV, II, V, I, III.

Bảng 1. Trình tự mở các cửa van đập tràn.

Thao tác	Độ mở cửa	Điều kiện vận hành
Nấc đầu tiên	Từ đóng hoàn toàn đến độ mở $\leq 2,0$ m	Các cửa được mở và đóng lần lượt theo thứ tự nêu trong khoản 2, Điều này. Mở và đóng từng cửa với bước ít nhất 0,25 m, cao nhất 1 m. Cho phép mở độc lập từng cửa đến độ mở 2,0 m.
Nấc thứ 2	$2,0 < \text{độ mở} \leq H_{gh}$	Sau khi kết thúc nấc đầu tiên (tất cả các cửa van đều đã được mở đến 2,0 m). Các cửa van được mở và đóng lần lượt theo thứ tự nêu trong khoản 2, Điều này. Mở và đóng từng cửa với bước ít nhất 0,25 m, cao nhất 1 m. Độ mở tối đa các cửa van giới hạn bởi trị số H_{gh} . Giá trị H_{gh} xác định bằng cách nhân hiệu của cao trình mực nước hồ và cao trình ngưỡng tràn với 0,7.
Nấc thứ 3	Mở hoàn toàn	Sau khi kết thúc nấc thứ 2 (tất cả các cửa van đều đã mở đến H_{gh}). Các cửa van được mở và đóng lần lượt theo thứ tự nêu trong khoản 2, Điều này.

3. Trong quá trình vận hành, nếu trình tự, phương thức vận hành các cửa van đập tràn chưa hợp lý, cần phải hiệu chỉnh thì Giám đốc Công ty Thủy điện Đồng Nai kịp thời báo cáo Tổng công ty Phát điện 1 đề xuất trình Bộ trưởng Bộ Công Thương để xem xét, quyết định.

Điều 6. Vận hành các thiết bị thủy công và thiết bị thủy lực

1. Việc vận hành các thiết bị thủy công, thiết bị thủy lực công trình thủy điện Đồng Nai 3 phải tuân thủ quy trình vận hành và quy trình bảo trì công trình, thiết bị do Giám đốc Công ty Thủy điện Đồng Nai phê duyệt trên cơ sở thực tế vận hành và căn cứ tài liệu của cơ quan tư vấn thiết kế, nhà chế tạo, cung cấp thiết bị.

2. Các quy trình vận hành công trình nêu tại khoản 1 Điều này phải được hiệu chỉnh khi phát hiện thấy những yếu tố bất hợp lý có thể ảnh hưởng đến chất lượng công trình, gây ảnh hưởng đến việc khai thác, sử dụng công trình.

Điều 7. Thông số, các yếu tố, thời gian quan trắc, tính toán và chế độ thông tin, báo cáo

Công ty Thủy điện Đồng Nai có trách nhiệm thực hiện việc quan trắc, thu thập thông tin, dữ liệu về khí tượng, thủy văn theo quy định tại Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn; khoản 2 Điều 9 Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa thủy điện, thủy lợi và Điều 15 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 4 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập và hồ chứa nước.

Việc quan trắc, thu thập thông tin, dữ liệu về khí tượng, thủy văn, thông tin về công trình và chế độ thông tin, báo cáo đối với công trình thủy điện Đồng Nai 3 được quy định như sau:

1. Trách nhiệm, chế độ quan trắc, dự báo, các yếu tố, thời gian quan trắc, tính toán trong mùa lũ.

a) Trong điều kiện thời tiết bình thường, khi chưa xuất hiện tình huống thời tiết có khả năng gây mưa, lũ theo quy định tại điểm b khoản này, hàng ngày, Công ty Thủy điện Đồng Nai phải thực hiện việc quan trắc, dự báo như sau:

- Tổ chức quan trắc, tính toán mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả qua đập tràn, qua nhà máy ít nhất 04 lần vào các thời điểm: 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ, 19 giờ;

- Thực hiện bản tin dự báo 01 lần vào 10 giờ. Nội dung bản tin dự báo phải bao gồm lưu lượng đến hồ, mực nước hồ thời điểm hiện tại và các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ, 24 giờ tới; dự kiến tổng lưu lượng xả tại các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ và 24 giờ tới (nếu có);

- Tổ chức quan trắc lượng mưa tại đập chính và kiểm tra tình trạng

công trình ít nhất 24 giờ 1 lần

b) Khi có bão khẩn cấp, áp thấp nhiệt đới gần bờ hoặc có các hình thế thời tiết khác gây mưa lũ, có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến các địa phương trên lưu vực sông Đồng Nai, Công ty Thủy điện Đồng Nai phải thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và duy trì cho đến khi kết thúc đợt lũ như sau:

- Tổ chức quan trắc, tính toán mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả qua đập tràn, qua nhà máy ít nhất 15 phút một lần;

- Tổ chức quan trắc lượng mưa tại đập chính và kiểm tra tình trạng công trình ít nhất 6 giờ 1 lần;

- Thực hiện bản tin dự báo lũ về hồ định kỳ 03 giờ 01 lần. Nội dung bản tin dự báo gồm mực nước hồ, lưu lượng đến hồ thời điểm hiện tại và các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ, 24 giờ tới, trong đó phải dự báo thời gian xuất hiện đỉnh lũ về hồ; dự kiến tổng lưu lượng xả tại các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ, 24 giờ tới.

c) Thời gian, thông số và các yếu tố phải tiến hành quan trắc, tính toán tương ứng với mực nước hồ trong thời gian mùa lũ được quy định tại điểm a, điểm b khoản này và Bảng 2.

Bảng 2. Thông số, các yếu tố và thời gian quan trắc trong mùa lũ

Thông số, yếu tố quan trắc, tính toán Mực nước hồ		Thời hạn quan trắc ít nhất (số giờ/ lần)				
		Lượng mưa	Lưu lượng vào hồ	Lưu lượng xả qua tràn, qua tua bin	Mực nước hồ và mực nước hạ lưu nhà máy	Tình trạng công trình
Mực nước hồ ≤ 590 m	Chưa mở cửa van đập tràn	24	6	6	6	24
	Đang mở cửa van đập tràn thời tiết bình thường	24	1	1	1	24
	Có bão, lũ, áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng trực tiếp	6	0,25	0,25	0,25	6
Mực nước hồ > 590 m		6	0,25	0,25	0,25	6

2. Trách nhiệm, chế độ quan trắc, dự báo, các yếu tố, thời gian quan trắc, tính toán trong mùa cạn.

Hàng ngày, Công ty Thủy điện Đồng Nai phải thực hiện việc quan trắc,

dự báo như sau:

a) Tổ chức đo đạc, quan trắc, tính toán lưu lượng đến hồ, lưu lượng qua đập tràn, qua nhà máy, mực nước thượng, hạ lưu hồ ít nhất 02 lần một ngày vào lúc 07 giờ và 19 giờ;

b) Tổ chức dự báo lưu lượng đến hồ, mực nước hồ 10 ngày tới vào các ngày 01, 11 và 21 hàng tháng.

3. Trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu:

a) Trong mùa lũ.

- Trong điều kiện thời tiết bình thường, khi chưa xuất hiện tình huống thời tiết có khả năng gây mưa lũ, Công ty Thủy điện Đồng Nai phải cung cấp bản tin dự báo và số liệu quan trắc, tính toán quy định tại khoản 2 Điều này cho Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Lâm Đồng, Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia, Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ, Tổng công ty Phát điện 1 trước 10 giờ hàng ngày. Công ty Thủy điện Đồng Nai phải cung cấp ngay bản tin dự báo và số liệu quan trắc, tính toán quy định tại khoản 2 Điều này cho Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 TKV, Công ty Thủy điện Trị An;

- Khi có bão khẩn cấp, áp thấp nhiệt đới gần bờ hoặc có các hình thể thời tiết khác gây mưa lũ, có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến các địa phương trên lưu vực sông Đồng Nai, Công ty Thủy điện Đồng Nai phải cung cấp ngay bản tin dự báo kèm theo số liệu quan trắc, tính toán quy định tại điểm b khoản 1 Điều này cho Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Lâm Đồng, Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia, Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ, Tổng công ty Phát điện 1, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 TKV, Công ty Thủy điện Trị An.

b) Trong mùa cạn.

Hàng ngày, Công ty Thủy điện Đồng Nai phải cung cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (BCH PCTT và TKCN) tỉnh Lâm Đồng, Trung tâm Dự báo Khí tượng thủy văn Quốc gia, Đài Khí tượng thủy văn khu vực Nam Bộ và Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia các số liệu sau:

- Mực nước thượng lưu, mực nước hạ lưu hồ chứa; lưu lượng đến hồ, tổng lưu lượng xả về hạ du thực tế trong ngày qua trước 11 giờ các ngày 01, 11 và 21 hàng tháng;

- Lưu lượng đến hồ, tổng lưu lượng xả về hạ du dự kiến 10 ngày tới trước 11 giờ các ngày 01, 11 và 21 hàng tháng.

4. Trách nhiệm báo cáo.

Công ty Thủy điện Đồng Nai có trách nhiệm báo cáo kết quả vận hành hồ chứa và tình trạng làm việc của công trình, việc báo cáo được thực hiện như sau:

a) Chậm nhất 02 ngày sau khi kết thúc đợt lũ, Công ty Thủy điện Đồng Nai phải báo cáo kết quả vận hành giảm lũ, trạng thái làm việc sau đợt lũ của hồ và các thông tin có liên quan đến Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT, Bộ Công Thương, BCH PCTT và TKCN tỉnh Lâm Đồng, Cục Quản lý tài nguyên nước, Tổng công ty Phát điện 1, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia để theo dõi, chỉ đạo;

b) Trước ngày 16 tháng 12 hàng năm, Công ty Thủy điện Đồng Nai phải báo cáo kết quả vận hành trong mùa lũ, trạng thái làm việc trong mùa lũ của hồ chứa Thủy điện Đồng Nai 3, các đề xuất, kiến nghị và các thông tin liên quan đến Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT, Bộ Công Thương, BCH PCTT và TKCN tỉnh Lâm Đồng, Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng, Cục Quản lý tài nguyên nước, Tổng công ty Phát điện 1, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia;

c) Công ty Thủy điện Đồng Nai phải thông báo kịp thời thông tin về mực nước hồ thời điểm đầu mùa cạn trong trường hợp mực nước hồ không đảm bảo giá trị theo quy định tại Phụ lục 7 cho Cục Quản lý tài nguyên nước và Ủy Ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng;

d) Công ty Thủy điện Đồng Nai phải thông báo kịp thời các thông tin về vận hành, điều tiết cho Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Phát điện 1 và Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia khi vận hành theo khoản 2, khoản 3 Điều 17 của Quy trình này.

Điều 8. Phối hợp vận hành giữa các công trình thủy điện trên bậc thang lưu vực sông Đồng Nai

1. Tuân thủ Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây viết tắt là Quy trình liên hồ 471).

2. Trong quá trình vận hành công trình Thủy điện Đồng Nai 3, Công ty Thủy điện Đồng Nai phải thường xuyên cung cấp, trao đổi và cập nhật thông tin với Chủ các công trình thủy điện, thủy lợi có liên quan trên lưu vực sông Đồng Nai để có chế độ vận hành tối ưu và an toàn.

Điều 9. Hiệu lệnh thông báo xả nước

1. Khi các cửa van đập tràn đang ở trạng thái đóng hoàn toàn: 30 phút trước khi xả, kéo 3 hồi còi, mỗi hồi còi dài 20 giây và cách nhau 10 giây.

2. Ngay trước khi xả thêm nước qua cửa van đập tràn, kéo 2 hồi còi, mỗi hồi còi dài 20 giây và cách nhau 10 giây.

3. Khi xảy ra các trường hợp đặc biệt cần phải xả nước khẩn cấp để đảm bảo an toàn công trình: Kéo 5 hồi còi, mỗi hồi còi dài 20 giây và cách nhau 05 giây, sau khi kết thúc hiệu lệnh mới được phép xả.

4. Trước khi xả nước qua các tổ máy phát điện, trừ trường hợp đang vận hành xả lũ, tại khu vực nhà máy kéo một hồi còi dài 20 giây.

5. Ngoài các hiệu lệnh thông báo theo quy định từ khoản 1 đến khoản 4 Điều này, Công ty Thủy điện Đồng Nai phải thông báo qua hệ thống cảnh báo được lắp đặt phía hạ du công trình quy định tại khoản 11 Điều 22 của Quy trình này.

Chương II

VẬN HÀNH HỒ CHỨA ĐỒNG NAI 3 TRONG MÙA LŨ

Điều 10. Quy định mực nước vận hành hồ trong mùa lũ

1. Mực nước cao nhất trước lũ của hồ chứa thủy điện Đồng Nai 3 trong thời kỳ mùa lũ được quy định trong bảng 3, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 14 của Quy trình này.

Bảng 3: Mực nước hồ Đồng Nai 3 cao nhất trước lũ (m)

Nội dung	Mực nước hồ Đồng Nai 3 cao nhất trước lũ (m)		
Ngày tháng	Từ 1/7 đến 31/7	Từ 1/8 đến 31/10	Từ 1/11 đến 30/11
Mực nước	588,5	587,5	589

2. Mực nước thấp nhất đón lũ của hồ Đồng Nai 3 khi tham gia giảm lũ cho hạ du được quy định tại bảng 4:

Bảng 4: Mực nước hồ Đồng Nai 3 thấp nhất đón lũ (m)

Nội dung	Mực nước hồ Đồng Nai 3 thấp nhất đón lũ (m)		
Ngày tháng	Từ 1/7 đến 31/7	Từ 1/8 đến 31/10	Từ 1/11 đến 30/11
Mực nước	587,7	586,7	588,2

3. Mực nước tại trạm thủy văn Tà Lài để quyết định vận hành hồ Đồng Nai 3 giảm lũ cho hạ du và cấp báo động lũ tại trạm Tà Lài được quy định tại bảng 5:

Bảng 5: Mực nước tại Tà Lài để quyết định giảm lũ cho hạ du và mực nước tương ứng cấp báo động lũ tại Tà Lài (m):

Sông	Trạm thủy văn	Mực nước để quyết định vận hành giảm lũ (m)	Mực nước báo động 1 (m)	Mực nước báo động 2 (m)	Mực nước báo động 3 (m)
Đồng Nai	Tà Lài	113,2	112,5	113	113,5

Điều 11. Nguyên tắc vận hành hồ Đồng Nai 3 giảm lũ cho hạ du:

1. Không cho phép sử dụng phân dung tích hồ từ cao trình mực nước dâng bình thường 590 m đến cao trình mực nước lũ kiểm tra 593,24 m để điều tiết lũ khi các cửa van của đập tràn chưa ở trạng thái mở hoàn toàn, trừ các trường hợp đặc biệt theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc Trưởng Ban chỉ đạo Trung ương về PCTT.

2. Khi vận hành giảm lũ cho hạ du phải tuân thủ theo quy định về trình tự, phương thức đóng, mở cửa van cung theo quy định tại Điều 5 của quy trình này đảm bảo không gây lũ nhân tạo đột ngột, bất thường đe dọa trực tiếp đến tính mạng và tài sản của nhân dân khu vực ven sông ở dưới hạ du hồ

chứa.

3. Trong thời kỳ mùa lũ quy định tại Điều 4 của Quy trình này, khi chưa tham gia vận hành giảm lũ cho hạ du, mực nước hồ chứa Đồng Nai 3 không được vượt mực nước cao nhất trước lũ quy định tại khoản 1 Điều 10 của quy trình này.

4. Trong quá trình vận hành phải thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về tình hình thời tiết, mưa, lũ, mực nước tại các trạm thủy văn, mực nước, lưu lượng đến hồ và các bản tin dự báo tiếp theo để vận hành, điều tiết cho phù hợp với tình hình thực tế.

5. Khi kết thúc quá trình giảm lũ cho hạ du phải đưa dần mực nước hồ về cao trình mực nước trước lũ quy định tại khoản 1 Điều 10.

Điều 12. Vận hành giảm lũ cho hạ du

1. Thẩm quyền quyết định ra lệnh vận hành hồ trong mùa lũ:

a) Trong điều kiện thời tiết bình thường, Giám đốc Công ty Thủy điện Đồng Nai chủ động vận hành, điều tiết đảm bảo mực nước hồ Đồng Nai 3 không vượt quá giá trị quy định tại Bảng 3, trừ trường hợp quy định tại Điều 14 của Quy trình này;

b) Khi xuất hiện các hình thế thời tiết quy định tại khoản 2 Điều này hoặc các tình huống mưa, lũ quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này, Trưởng BCH PCTT và TKCN tỉnh Lâm Đồng quyết định vận hành đối với hồ Đồng Nai 3, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

2. Vận hành hạ mực nước hồ để đón lũ:

Khi Tổng cục Khí tượng Thủy văn dự báo có bão khẩn cấp, áp thấp nhiệt đới gần bờ hoặc có các hình thế thời tiết khác có khả năng gây mưa, lũ mà trong vòng 24 đến 48 giờ tới có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến các địa phương trên lưu vực sông Đồng Nai, căn cứ nhận định tình hình thời tiết của Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Lâm Đồng căn cứ nhận định tình hình thời tiết của địa phương quyết định việc vận hành đối với hồ Đồng Nai 3 như sau:

a) Trường hợp mực nước hồ lớn hơn giá trị quy định tại Bảng 4:

- Khi mực nước tại Trạm thủy văn Tà Lài đang trên báo động II và dưới giá trị 113,2 m, vận hành với lưu lượng xả bằng lưu lượng đến hồ để duy trì mực nước hiện tại của hồ.

- Khi mực nước tại Trạm thủy văn Tà Lài đang dưới báo động II, vận hành điều tiết với lưu lượng xả lớn hơn lưu lượng đến hồ, để hạ dần mực nước hồ, nhưng không thấp hơn giá trị quy định tại Bảng 4.

b) Trường hợp mực nước hồ nhỏ hơn giá trị quy định tại Bảng 4, Giám

độc Công ty Thủy điện Đồng Nai được phép vận hành điều tiết nước, nhưng phải đảm bảo mực nước hồ không vượt giá trị quy định tại Bảng 4.

c) Trong quá trình vận hành theo điểm a, điểm b khoản này, căn cứ bản tin dự báo của Tổng cục Khí tượng Thủy văn và nhận định tình hình thời tiết của Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ, nếu các hình thế thời tiết có khả năng gây mưa, lũ không còn có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Đắk Nông, vận hành điều tiết đưa dần mực nước hồ về giá trị quy định tại Bảng 3.

3. Khi kết thúc quá trình vận hành điều tiết mực nước hồ để đón lũ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này mà các điều kiện để vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại khoản 4 Điều này chưa xuất hiện thì vận hành hồ với lưu lượng xả bằng lưu lượng đến hồ để duy trì mực nước hiện tại của hồ và sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du khi có lệnh của Trưởng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Lâm Đồng.

4. Vận hành giảm lũ cho hạ du:

a) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Tà Lài vượt giá trị 113,2 m, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Lâm Đồng quyết định việc vận hành với lưu lượng xả nhỏ hơn lưu lượng đến hồ nhằm giảm lũ cho hạ du, nhưng phải bảo đảm mực nước hồ không vượt quá cao trình mực nước dâng bình thường.

b) Khi mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, các hồ vận hành điều tiết với lưu lượng xả bằng lưu lượng đến hồ.

5. Vận hành đưa mực nước hồ về mực nước cao nhất trước lũ:

a) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Tà Lài xuống dưới mức báo động I, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Lâm Đồng quyết định việc vận hành điều tiết với lưu lượng xả lớn hơn lưu lượng đến hồ trong khoảng thời gian từ 24 đến 72 giờ để đưa dần mực nước hồ về giá trị quy định tại Bảng 3.

b) Trong quá trình vận hành, nếu mực nước tại Trạm thủy văn Tà Lài đạt giá trị báo động II, vận hành điều tiết để duy trì mực nước hiện tại của hồ.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng quyết định việc vận hành đối với hồ Đồng Nai 3 trong các tình huống bất thường sau:

a) Khi Tổng cục Khí tượng thủy văn cảnh báo ở hạ du xuất hiện hoặc có nguy cơ xuất hiện lũ, ngập lụt với cấp độ rủi ro thiên tai theo quy định của pháp luật về PCTT từ cấp độ 4 trở lên;

b) Khi hồ Đồng Nai 3 đã sử dụng hết dung tích phòng, chống lũ mà có cảnh báo, dự báo tiếp tục xuất hiện lũ lớn;

c) Xuất hiện sự cố đê điều hoặc có nguy cơ đe dọa đến an toàn của đê điều, công trình thủy lợi, kết cấu hạ tầng ở hạ du.

7. Trong quá trình thực hiện việc xả lũ theo các khoản 2 đến khoản 5 Điều này phải chú ý:

a) Trình tự, phương thức đóng mở cửa van đập tràn thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Quy trình này;

b) Hiệu lệnh thông báo xả nước khi vận hành hồ chứa thực hiện theo quy định tại Điều 9 của Quy trình này.

Điều 13. Vận hành đảm bảo an toàn công trình

1. Khi mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường 590 m mà lũ đến hồ còn tiếp tục tăng và có khả năng ảnh hưởng đến an toàn công trình, thực hiện chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình như sau:

a) Nguyên tắc cơ bản: Duy trì mực nước hồ không vượt quá cao trình mực nước dâng bình thường 590 m bằng chế độ xả nước qua các tổ máy phát điện và chế độ đóng mở cửa van đập tràn đến khi toàn bộ các cửa van đập tràn mở hoàn toàn, hồ sẽ tự điều tiết tăng mực nước trong hồ khi lưu lượng về hồ lớn hơn tổng lưu lượng xả qua các tổ máy và qua đập tràn với các cửa van đã mở hoàn toàn;

b) Trong mọi trường hợp vận hành bình thường từ thời điểm lũ vào hồ đến khi đạt đỉnh, việc vận hành hồ chứa phải đảm bảo tổng lưu lượng xả qua công trình về hạ du không được lớn hơn lưu lượng tự nhiên vào hồ cùng thời điểm với sai số cho phép là 50% chênh lệch tổng lưu lượng xả của trình tự đó so với trình tự mở cửa van đập tràn liền kề trước hoặc sau;

c) Trình tự, phương thức đóng mở cửa van đập tràn thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Quy trình này;

d) Hiệu lệnh thông báo xả nước qua đập tràn thực hiện theo quy định tại Điều 9 của Quy trình này;

đ) Không cho phép nước tràn qua đỉnh cửa van đập tràn trong mọi trường hợp vận hành xả lũ;

e) Khi kết thúc quá trình giảm lũ cho hạ du phải đưa dần mực nước hồ về cao trình mực nước trước lũ tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 10 đối với thời điểm từ ngày 01 tháng 7 đến hết ngày 30 tháng 9; thời điểm từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 11 thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14.

2. Cho phép Giám đốc Công ty Thủy điện Đồng Nai vận hành cửa van đập tràn của hồ khác với quy định tại Điều 5 trong các trường hợp xảy ra sự cố hoặc những tình huống bất thường và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Trường hợp đập hoặc các thiết bị của công trình bị hư hỏng hoặc sự cố đòi hỏi phải tháo nước nhằm đảm bảo an toàn công trình, trước khi tháo

nước để hạ thấp mực nước hồ, Công ty Thủy điện Đồng Nai phải lập phương án và kế hoạch cụ thể đảm bảo không chế tốc độ hạ thấp mực nước sao cho không gây mất an toàn đập, hạn chế tối đa ảnh hưởng đến sản xuất và an toàn của nhân dân vùng hạ du sau đập.

4. Trách nhiệm phát hiện và xử lý sự cố hoặc những tình huống bất thường theo quy định tại Điều 22, Điều 23, Điều 24 và Điều 28 của Quy trình này.

Điều 14. Tích nước cuối mùa lũ

1. Từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 11 hàng năm, căn cứ nhận định xu thế diễn biến thời tiết, thủy văn của Tổng cục Khí tượng Thủy văn, nếu không xuất hiện hình thế thời tiết có khả năng gây mưa lũ trên lưu vực hồ chứa Đồng Nai 3, Công ty Thủy điện Đồng Nai được phép chủ động tích nước để đưa dần mực nước hồ về mực nước dâng bình thường 590 m.

2. Trong thời gian hồ tích nước theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu Tổng cục Khí tượng Thủy văn dự báo có bão khẩn cấp, áp thấp nhiệt đới gần bờ hoặc có các hình thế thời tiết có khả năng gây mưa, lũ mà trong vòng 24 đến 48 giờ tới có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến các địa phương trên lưu vực sông Đồng Nai, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Lâm Đồng quyết định việc vận hành hồ như sau:

a) Vận hành hồ chứa Đồng Nai 3 để đón lũ theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 12 của Quy trình này nhưng không thấp hơn giá trị quy định tại bảng 3 và vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 12 của Quy trình này;

b) Trong quá trình vận hành theo điểm a khoản này, căn cứ bản tin dự báo của Tổng cục Khí tượng Thủy văn, nếu các hình thế thời tiết có khả năng gây mưa, lũ không còn khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến hồ Đồng Nai 3 thì vận hành điều tiết đưa dần mực nước hồ về mực nước dâng bình thường 590 m.

3. Khi kết thúc quá trình giảm lũ cho hạ du, nếu không có bản tin cảnh báo tiếp theo của Tổng cục Khí tượng Thủy văn như quy định tại khoản 2 của Điều này, hồ Đồng Nai 3 được phép tích nước nhưng không được vượt quá mực nước dâng bình thường 590 m.

Chương III

VẬN HÀNH HỒ CHỨA ĐỒNG NAI 3 TRONG MÙA CẠN, ĐIỀU TIẾT NƯỚC PHÁT ĐIỆN VÀ ĐẢM BẢO DÒNG CHẢY HẠ DU

Điều 15. Nguyên tắc vận hành trong mùa cạn

1. Vận hành hồ theo các thời kỳ; theo thời đoạn 10 ngày.
2. Trong thời gian vận hành, Công ty Thủy điện Đồng Nai căn cứ vào mực nước hồ hiện tại và dự báo dòng chảy đến hồ trung bình 10 ngày tới để điều chỉnh việc vận hành sao cho mực nước hồ tại các thời điểm tương ứng không nhỏ hơn giá trị quy định tại Phụ lục 7.

Điều 16. Các thời kỳ vận hành và chế độ vận hành xả nước hồ chứa Đồng Nai 3 trong mùa cạn

1. Thời kỳ I: Từ ngày 01 tháng 12 đến ngày 30 tháng 4 năm sau, hàng ngày hồ Đồng Nai 3 vận hành xả nước với lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn $50 \text{ m}^3/\text{s}$.
2. Thời kỳ II: Từ ngày 01 tháng 5 tới 30 tháng 6, hàng ngày hồ Đồng Nai 3 vận hành xả nước với lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn $45 \text{ m}^3/\text{s}$.
3. Trong quá trình vận hành theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, nếu mực nước hồ Đồng Nai 3 giảm và có thể đạt giá trị mực nước quy định trong Phụ lục 7 tại thời điểm tiếp theo, thì phải điều chỉnh giảm lưu lượng xả để đảm bảo mực nước hồ không nhỏ hơn giá trị mực nước tại thời điểm tiếp theo được quy định trong Phụ lục 7.

Điều 17. Vận hành đảm bảo mực nước hồ chứa Đồng Nai 3 trong mùa cạn

1. Trong quá trình vận hành hồ theo quy định tại Điều 16 của Quy trình này phải đảm bảo mực nước hồ Đồng Nai 3 không nhỏ hơn giá trị tại các thời điểm quy định trong Phụ lục 7.
2. Trường hợp không đảm bảo giá trị mực nước hồ tại thời điểm tương ứng quy định trong Phụ lục 7, căn cứ vào lưu lượng dự báo đến hồ trong 10 ngày tới, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan quyết định việc điều chỉnh lưu lượng, thời gian vận hành hồ để đảm bảo mực nước hồ không nhỏ hơn giá trị tại các thời điểm tiếp theo.
3. Trong trường hợp vào đầu mùa cạn mà mực nước hồ không đạt giá trị quy định trong Phụ lục 7, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan quyết định việc vận hành nhằm bảo đảm chậm nhất đến ngày 21 tháng 01 mực nước hồ Đồng Nai 3 đạt giá trị như quy định trong Phụ lục 7.

Điều 18. Vận hành công trình đảm bảo dòng chảy tối thiểu

1. Việc vận hành công trình thủy điện Đồng Nai 3 phải đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu ở khu vực hạ du hồ chứa theo quy định của Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Quốc Hội với lưu lượng theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt do cấp có thẩm quyền cấp.

2. Việc vận hành xả đảm bảo dòng chảy tối thiểu ở khu vực hạ du hồ chứa Thủy điện Đồng Nai 3 theo quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện qua các tua bin khí nhà máy phát điện hoặc qua cửa van đập tràn.

Điều 19. Vận hành điều tiết lũ trong mùa cạn

Ngoài thời gian mùa lũ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 của Quy trình này, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Lâm Đồng quyết định việc vận hành hồ Đồng Nai 3 theo chế độ vận hành trong mùa lũ quy định tại Quy trình này nếu xảy ra một trong các tình huống bất thường sau đây:

1. Khi mực nước hồ Đồng Nai 3 đã đạt đến mực nước dâng bình thường 590 m mà xuất hiện lũ ở thượng lưu hồ vượt quá lưu lượng xả tối đa qua phát điện của công trình.

2. Khi Tổng cục Khí tượng thủy văn cảnh báo ở hạ du xuất hiện hoặc có nguy cơ xuất hiện lũ, ngập lụt với cấp độ rủi ro thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai từ cấp độ 2 trở lên.

3. Xuất hiện sự cố hoặc có nguy cơ sự cố công trình xả hoặc sự cố của các hạng mục bảo đảm an toàn công trình.

4. Các tình huống khác có nguy cơ đe dọa đến an toàn công trình, khu vực hạ du do Trưởng BCH PCTT và TKCN tỉnh Lâm Đồng quyết định.

Việc xem xét, quyết định các phương án vận hành hồ chứa trong các tình huống bất thường quy định tại Điều này phải đảm bảo an toàn công trình.

Điều 20. Chế độ vận hành phát điện của Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 3

1. Nguyên tắc chung: Phải tuân thủ phương thức và lệnh điều độ của cấp điều độ hệ thống điện có quyền điều khiển.

2. Mực nước hồ và tổng lượng nước dùng phát điện trong mỗi tháng phải được tính toán trên nguyên tắc sử dụng “Biểu đồ điều phối vận hành hồ chứa thủy điện Đồng Nai 3”.

3. Biểu đồ điều phối được xây dựng trên cơ sở các thông số của hồ chứa, nhà máy thủy điện và liệt dòng chảy quá khứ với mục tiêu tuân thủ quy trình vận hành liên hồ 471; đạt hiệu quả sản xuất điện và cung cấp điện lượng đảm bảo ổn định. Biểu đồ điều phối được chia làm 4 vùng:

a) Vùng I (vùng xả thừa): Lượng nước còn thừa sau khi phát với công suất tối đa phải được xả xuống hạ lưu qua đập tràn;

d) Vùng II (vùng nâng cao công suất): Khi mực nước trong hồ nằm trong vùng này nhà máy thủy điện được phát với công suất cao hơn công suất đảm bảo trong thời kỳ đó để sản xuất điện, tiết kiệm nhiên liệu cho hệ thống, tránh xả thừa;

c) Vùng III (vùng phát điện với công suất đảm bảo): Khi mực nước hồ nằm trong vùng cung cấp đảm bảo nhà máy thủy điện cung cấp cho hệ thống công suất đảm bảo.

Nếu mực nước hồ thấp hơn giới hạn dưới của vùng này phải giảm công suất phát để đưa mực nước hồ về giới hạn dưới vùng này.

Nếu mực nước hồ cao hơn giới hạn trên của vùng này, được phép tăng công suất phát trên công suất đảm bảo;

d) Vùng IV (vùng hạn chế công suất): Khi mực nước hồ nằm trong vùng hạn chế công suất, nhà máy thủy điện phát điện dưới công suất đảm bảo để đưa mực nước hồ về vùng cung cấp đảm bảo;

đ) Trong mùa cạn cần điều tiết hồ sao cho mực nước không dưới mực nước tối thiểu ứng với các thời điểm trong mùa cạn như quy định trong Phụ lục 7.

4. Biểu đồ điều phối vận hành hồ chứa thủy điện Đồng Nai 3 được thể hiện ở Phụ lục 3.1 và Phụ lục 3.2.

Điều 21. Các trường hợp vận hành khác

1. Khi khu vực hạ du của công trình Thủy điện Đồng Nai 3 có yêu cầu bất thường về sử dụng nước hoặc khác với quy định tại Quy trình liên hồ 471 và Quy trình này, Công ty Thủy điện Đồng Nai tổ chức thực hiện điều tiết xả nước theo chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường trên cơ sở kế hoạch, phương án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị. Trước khi thực hiện xả nước theo chỉ đạo, Công ty Thủy điện Đồng Nai thông báo cho Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia để phối hợp, bố trí kế hoạch huy động nhà máy Thủy điện Đồng Nai 3 phát điện đảm bảo tối ưu hiệu quả sử dụng nước và báo cáo Bộ Công Thương, Tổng công ty Phát điện 1 để theo dõi, chỉ đạo.

2. Trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước, ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng hoặc khi xảy ra các sự cố tai biến môi trường nghiêm trọng khác trên lưu vực sông Đồng Nai, Công ty Thủy điện Đồng Nai phải tuân thủ theo lệnh điều hành vận hành hồ chứa của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 3 Điều 53 Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13

ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội và điểm c, khoản 2, Điều 56 Luật
Thủ tục tố tụng dân sự số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội.

Chương IV

QUY ĐỊNH TRÁCH NHIỆM VÀ TỔ CHỨC VẬN HÀNH

Điều 22. Trách nhiệm của Giám đốc Công ty Thủy điện Đồng Nai

1. Ban hành lệnh và thực hiện lệnh vận hành công trình theo quy định trong Quy trình liên hồ 471 và Quy trình này, trường hợp xảy ra thiên tai nghiêm trọng, thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và cơ quan có thẩm quyền.

2. Trong mùa lũ trách nhiệm thực hiện lệnh vận hành công trình Thủy điện Đồng Nai 3 được quy định như sau:

a) Thực hiện lệnh vận hành công trình Thủy điện Đồng Nai 3 của Trưởng ban Chỉ huy PCTT&TKCN Tỉnh Lâm Đồng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 12 của Quy trình này;

b) Trường hợp xảy ra tình huống bất thường, không thực hiện được theo đúng lệnh vận hành, Giám đốc Công ty Thủy điện Đồng Nai phải báo cáo ngay với người ra lệnh vận hành;

c) Trường hợp mất thông tin liên lạc hoặc không nhận được lệnh vận hành của người có thẩm quyền ra lệnh và các tình huống bất thường khác, Giám đốc Công ty Thủy điện Đồng Nai quyết định việc vận hành hồ theo đúng quy định của Quy trình này, đồng thời phải thực hiện ngay các biện pháp ứng phó phù hợp;

d) Khi thực hiện vận hành cửa van đập tràn, Giám đốc Công ty Thủy điện Đồng Nai phải thông báo ngay tới Trưởng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Lâm Đồng, Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ, Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, Công ty Thủy điện Trị An;

đ) Thực hiện việc vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 13 của Quy trình này. Khi vận hành đảm bảo an toàn công trình, phải báo cáo ngay với Ban chỉ đạo Trung ương về PCTT, Bộ Công Thương, Trưởng BCH PCTT và TKCN tỉnh Lâm Đồng.

3. Ban hành lệnh vận hành công trình trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 12 của Quy trình này.

4. Trước khi vận hành mở cửa van đập tràn từ trạng thái đóng hoàn toàn, phải thông báo trước 3 giờ 30 phút đến Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Đắk Nông, Đài KTTV khu vực Nam Bộ, tỉnh Đắk Nông Trung tâm dự báo KTTV Quốc gia; Tập đoàn Điện lực VN, Tổng công ty phát điện 1, Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, Công ty Thủy điện Trị

An, đồng thời phải thông báo trên hệ thống cảnh báo khu vực hạ du hồ chứa được quy định tại khoản 11 Điều này để chủ động phòng tránh thiệt hại có thể xảy ra.

5. Trường hợp xảy ra những tình huống bất thường, không thực hiện được theo đúng Quy trình vận hành, phải triển khai ngay các biện pháp đối phó phù hợp, đồng thời báo cáo Bộ Công Thương, Ban Chỉ đạo trung ương về PCTT, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Đắk Nông, BCH PCTT và TKCN Tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Đắk Nông, Sở Công Thương Lâm Đồng, Tổng công ty Phát điện 1, Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, Công ty Thủy điện Trị An để kịp thời phối hợp, có ứng xử phù hợp và cần thiết.

6. Trước khi xả nước khẩn cấp để đảm bảo an toàn cho công trình đầu mối, phải báo cáo Ban Chỉ đạo trung ương về PCTT, Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Đắk Nông, BCH PCTT và TKCN tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Đắk Nông, Sở Công Thương Lâm Đồng, Đắk Nông, Tổng công ty Phát điện 1, Đài Khí tượng thủy văn khu vực Nam Bộ, Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, Công ty Thủy điện Trị An để kịp thời phối hợp, có ứng xử cần thiết.

7. Sau mùa lũ, lập Báo cáo tổng kết theo quy định tại khoản 4 Điều 7 của Quy trình này.

8. Thành lập BCH PCTT và TKCN Công ty Thủy điện Đồng Nai. Cơ cấu thành phần của BCH PCTT và TKCN Công ty Thủy điện Đồng Nai tối thiểu như sau:

Trưởng Ban: Chỉ đạo và chịu trách nhiệm chung;

Phó Trưởng ban: Thay Trưởng ban khi Trưởng Ban vắng mặt;

Các ủy viên phụ trách kỹ thuật, vận hành, sửa chữa và hành chính;

Đại diện cơ quan PCTT và TKCN tại địa phương: Ủy viên.

9. Giám sát quá trình khai thác sử dụng nước tại hồ chứa thủy điện Đồng Nai 3 theo quy định tại Thông tư số 47/2017/BTNMT ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước; hàng năm lập kế hoạch điều tiết nước hồ chứa và tổ chức thông báo kế hoạch điều tiết nước theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Luật Tài nguyên nước

10. Phối hợp với Chủ các hồ chứa trên nhánh chính sông Đồng Nai xây dựng Quy chế và các phương án phối hợp trong vận hành điều tiết cắt, giảm lũ, đặc biệt là việc cấp nước cho hạ du khi có yêu cầu theo quy định của Quy trình liên hồ 471 và Quy trình này.

11. Chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Lâm Đồng

và các huyện, xã liên quan: Khảo sát, lập phương án và thực hiện lắp đặt hệ thống cảnh báo điều tiết lũ và phát điện phía hạ du trong quá trình vận hành theo Chỉ thị số 15/CT-BCT ngày 13/5/2014 của Bộ Công Thương về việc thực hiện công tác cảnh báo trong vận hành hồ chứa và nhà máy Thủy điện để bảo đảm an toàn cho vùng hạ du các dự án thủy điện; phương thức, hình thức cảnh báo qua hệ thống cảnh báo phải được quy định cụ thể trong Quy chế phối hợp.

12. Trong mùa cạn, nếu xảy ra sự cố hoặc trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước mà hồ không thể đảm bảo việc vận hành theo quy định của Quy trình này, Giám đốc Công ty Thủy điện Đồng Nai phải đề xuất phương án, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, để thống nhất việc sử dụng nước ở hạ du cho phù hợp.

13. Lắp đặt camera giám sát việc xả nước và truyền tín hiệu hình ảnh về Ủy ban nhân dân và BCH PCTT và TKCN tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Đắk Nông, Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương, Tổng công ty Phát điện 1, Cục Quản lý tài nguyên nước và Cục Điều tiết điện lực. Lập kế hoạch xây dựng, lắp đặt hệ thống giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành xả nước của hồ Đồng Nai 3 theo quy định.

14. Định kỳ, hàng quý trong mùa kiệt và hàng tháng trong mùa lũ, phải báo cáo Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng về việc vận hành hồ chứa theo quy định tại khoản 6 Điều 24 Thông tư 43/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định về quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện.

15. Chịu trách nhiệm về công tác PCTT&TKCN cho công trình và hạ du; cụ thể:

a) Tổ chức quan trắc, thu thập, theo dõi chặt chẽ tình hình diễn biến khí tượng thủy văn; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo, cung cấp số liệu, thông tin cho các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định tại Điều 7 của Quy trình này;

b) Kiểm tra thực tế tình trạng công trình, thiết bị, tình hình sạt lở vùng hồ và có các biện pháp khắc phục kịp thời các hư hỏng để bảo đảm tình trạng, độ tin cậy làm việc bình thường, an toàn của công trình và thiết bị;

c) Tổ chức, huy động lực lượng trực, sẵn sàng triển khai công tác khi cần thiết;

d) Tham gia xây dựng bản đồ ngập lụt cho vùng hạ du công trình thủy điện Đồng Nai 3 theo quy định tại Điều 26 Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

16. Tổ chức việc kiểm tra, đánh giá toàn bộ thiết bị, công trình và nhân sự, cụ thể đề cập đến các vấn đề sau:

a) Tình trạng làm việc của các công trình thủy công và hồ chứa;

b) Công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị chính, phụ và công trình liên quan đến công tác vận hành điều tiết hồ chứa chống lũ;

c) Các thiết bị, bộ phận công trình liên quan tới đảm bảo vận hành an toàn của các tổ máy phát điện;

d) Lập phương án đảm bảo nguồn cung cấp điện (kể cả nguồn điện dự phòng) cho các phụ tải quan trọng và đảm bảo phương tiện thông tin liên lạc;

đ) Các nguồn vật liệu dự phòng, phương án huy động nhân lực, thiết bị và phương tiện vận chuyển, thiết bị và phương tiện cần thiết cho xử lý sự cố;

e) Các dụng cụ cứu sinh, dụng cụ boi;

g) Công tác tính toán, dự báo về khí tượng thủy văn, các tài liệu và phương tiện cần thiết cho tính toán điều tiết hồ chứa;

h) Diễn tập và kiểm tra quy trình, kỹ thuật xả lũ cho các chức danh có liên quan như tính toán, đóng mở cửa van, thông báo thử;

i) Phối hợp với các cơ quan ở địa phương của tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Đắk Nông để thông báo, tuyên truyền đến nhân dân vùng hạ du những thông tin và điều lệnh về công tác vận hành của hồ chứa Đồng Nai 3, đặc biệt với nhân dân sống trong khu vực hạ lưu công trình.

17. Sau mỗi trận lũ và sau cả mùa lũ, phải tiến hành ngay các công tác sau:

a) Kiểm tra tình trạng ổn định, an toàn công trình, thiết bị bao gồm cả ảnh hưởng xói lở ở hạ lưu đập tràn;

b) Phối hợp với các cơ quan chức năng ở địa phương kiểm tra, đánh giá thiệt hại vùng hạ du;

c) Lập báo cáo diễn biến lũ;

d) Sửa chữa những hư hỏng nguy hiểm đe dọa đến sự ổn định, an toàn công trình và thiết bị.

18. Trong mùa cạn:

a) Nếu xảy ra sự cố hoặc trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước mà hồ không thể đảm bảo việc vận hành theo quy định của Quy trình này, Giám đốc Công ty Thủy điện Đồng Nai phải đề xuất phương án, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân

tỉnh Lâm Đồng, để thống nhất phương án điều tiết nước cho hạ du;

b) Thực hiện chế độ quan trắc và cung cấp thông tin, số liệu theo quy định tại Điều 7 của quy trình này;

c) Lập kế hoạch duy tu bảo dưỡng định kỳ kèm theo kế hoạch xả nước cấp cho hạ du và thông báo cho Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng và Cục quản lý tài nguyên nước.

19. Trước ngày 15 tháng 4 hàng năm, phải lập báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa nước trình Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng.

20. Định kỳ 5 năm, phải rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Quy trình vận hành này và Quy trình liên hồ 471, báo cáo Tổng giám đốc Tổng công ty Phát điện 1, Bộ Công Thương và Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng.

21. Định kỳ không quá 5 năm, kể từ lần kiểm định gần nhất, phải tổ chức kiểm định an toàn đập, lập hồ sơ báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

22. Lập, phê duyệt Phương án ứng phó thiên tai theo quy định tại Điều 22 của Luật PCTT, gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Đắk Nông và Tổng Công ty Phát điện 1 để phối hợp, chỉ đạo thực hiện.

23. Xây dựng Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp theo quy định tại Điều 25 của Nghị định 114/2018/NĐ-CP, trình Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng xem xét, phê duyệt.

Điều 23. Trách nhiệm của Tổng giám đốc Tổng công ty Phát điện 1

1. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát Công ty Thủy điện Đồng Nai thực hiện vận hành hồ chứa Thủy điện Đồng Nai 3 theo đúng Quy trình này và Quy trình liên hồ 471.

2. Chỉ đạo, đôn đốc Công ty Thủy điện Đồng Nai: Vận hành điều tiết lũ, điều tiết nước cho hạ du theo quy định của Quy trình này; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và cung cấp số liệu, thông tin cho các cơ quan, đơn vị của Quy trình này và Quy trình liên hồ 471; lắp đặt hệ thống báo động, thông tin đến các hộ dân vùng hạ lưu nhận biết các tín hiệu khi hồ chứa thủy điện Đồng Nai 3 tiến hành xả lũ, phát điện.

3. Chỉ đạo Công ty Thủy điện Đồng Nai: Lắp đặt camera giám sát việc xả nước và truyền tín hiệu hình ảnh về Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Lâm Đồng, Ban Chỉ đạo trung ương về PCTT, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương, Tổng công ty Phát điện 1, Cục Quản lý tài nguyên nước và Cục Điều tiết điện lực; lập kế hoạch xây

dựng, lắp đặt hệ thống giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành xả nước của hồ chứa Đồng Nai 3 theo quy định.

4. Chỉ đạo Công ty Thủy điện Đồng Nai thực hiện các công tác đảm bảo an toàn công trình, hồ chứa thủy điện Đồng Nai 3.

5. Chỉ đạo Công ty Thủy điện Đồng Nai tổ chức kiểm định an toàn đập theo đúng Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

Điều 24. Trách nhiệm của Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam

1. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát Tổng công ty Phát điện 1, Công ty Thủy điện Đồng Nai thực hiện đúng các quy định trong Quy trình liên hồ 471 và Quy trình này.

2. Chỉ đạo, đôn đốc Tổng công ty Phát điện 1, Công ty Thủy điện Đồng Nai: Thực hiện việc đảm bảo vận hành an toàn công trình thủy điện Đồng Nai 3; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo theo quy định tại Điều 7 của Quy trình này và cung cấp số liệu, thông tin cho các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quy trình này; lắp đặt hệ thống cảnh báo xả lũ và phát điện phía hạ du phục vụ vận hành công trình thủy điện Đồng Nai 3 theo quy định tại khoản 11 Điều 22; lắp đặt hệ thống camera theo quy định tại khoản 13 Điều 22 Quy trình này.

3. Chỉ đạo Trung tâm điều độ Hệ thống điện Quốc gia: Huy động phát điện tối đa các tổ máy của nhà máy thủy điện Đồng Nai 3 trong thời gian hồ thực hiện nhiệm vụ điều tiết lũ cho hạ du; xây dựng, điều chỉnh kế hoạch huy động điện của nhà máy thủy điện Đồng Nai 3 đảm bảo phù hợp với thời kỳ, thời gian vận hành các hồ chứa trong mùa cạn theo quy định của Quy trình liên hồ 471 và Quy trình này.

Điều 25. Trách nhiệm của Trưởng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Lâm Đồng

1. Trong mùa lũ

a) Tổ chức thường trực, theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa lũ, quyết định phương án điều tiết, ban hành lệnh vận hành hồ theo quy định tại Điều 12, Điều 14 của Quy trình này. Việc ban hành lệnh vận hành hồ theo quy định tại Điều 12, Điều 14 của Quy trình này phải trước ít nhất 04 giờ tính đến thời điểm thực hiện, trừ các trường hợp khẩn cấp, bất thường;

b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện lệnh vận hành hồ; chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó với lũ, lụt và xử lý các tình huống ảnh hưởng đến an toàn dân cư ở hạ du khi hồ xả nước;

c) Khi ban hành lệnh vận hành hồ phải thông báo ngay tới Trưởng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Đắk Nông, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện trên địa bàn có khả năng bị lũ, lụt do vận hành hồ; đồng thời thông

báo cho Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ; Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng;

d) Trong trường hợp xảy ra sự cố bất thường phải báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT và báo cáo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng để có biện pháp xử lý kịp thời.

2. Trong mùa cạn

Quyết định vận hành hồ Đồng Nai 3 khi xuất hiện mưa lũ lớn ngoài thời gian mùa lũ quy định tại Điều 19 của Quy trình này.

Điều 26. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng

1. Tổ chức thông tin, tuyên truyền, giải thích công khai Quy trình này trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh ở địa phương để các cơ quan và nhân dân trên địa bàn hiểu, chủ động phòng ngừa, ứng phó, hạn chế thiệt hại do lũ, lụt và chủ động bố trí kế hoạch sản xuất, lấy nước phù hợp với chế độ vận hành hồ theo quy định của Quy trình này nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nước.

2. Chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy trình này đối với các đơn vị quản lý, vận hành hồ trên địa bàn.

3. Chỉ đạo xây dựng phương án chủ động phòng, chống lũ lụt và tổ chức thực hiện các biện pháp ứng phó với các tình huống lũ, lụt trên địa bàn. Quyết định việc vận hành hồ chứa Thủy điện Đồng Nai 3 trong tình huống xảy ra lũ lụt bất thường ở hạ du; đồng thời chỉ đạo thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn dân cư, hạn chế thiệt hại.

4. Chỉ đạo đơn vị quản lý vận hành hồ thực hiện đảm bảo an toàn hồ Đồng Nai 3; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và cung cấp số liệu, thông tin cho các cơ quan, đơn vị theo quy định và thực hiện vận hành hồ theo đúng Quy trình này. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ và báo cáo Trưởng Ban chỉ đạo Trung ương về PCTT để chỉ đạo chống lũ cho hạ du trước khi hồ xả lũ khẩn cấp đảm bảo an toàn cho công trình đầu mối.

5. Chỉ đạo các đơn vị quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước trên địa bàn thực hiện việc lấy nước phù hợp với thời gian, lịch vận hành của hồ chứa Đồng Nai 3 theo quy định tại Quy trình này.

6. Chỉ đạo các địa phương có liên quan lập kế hoạch sử dụng nước phù hợp với quy định của Quy trình này.

7. Trường hợp do hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng hoặc có yêu cầu bất thường về sử dụng nước, lập kế hoạch, phương án gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để thống nhất chỉ đạo việc điều tiết hồ chứa Đồng Nai 3 xả nước cho hạ du.

Điều 27. Trách nhiệm của Sở Công thương tỉnh Lâm Đồng

1. Kiểm tra, giám sát Công ty Thủy điện Đồng Nai thực hiện các quy

định trong Quy trình này.

2. Kịp thời báo cáo Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng trong trường hợp phát hiện những vi phạm các quy định trong Quy trình này.

3. Giám đốc sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng có trách nhiệm chỉ đạo tổng hợp báo cáo hiện trạng an toàn đập Công trình thủy điện Đồng Nai 3 do Công ty Thủy điện Đồng Nai trình đề báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng và Bộ Công Thương.

Điều 28. Trách nhiệm về an toàn công trình

1. Lệnh vận hành hồ chứa thủy điện Đồng Nai 3 nếu trái với các quy định trong quy trình này dẫn đến công trình đầu mối, hệ thống các công trình thủy lợi, giao thông và dân sinh ở hạ du bị mất an toàn thì người ra lệnh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Việc thực hiện sai lệnh vận hành dẫn đến công trình đầu mối, hệ thống các công trình và dân sinh ở hạ du bị mất an toàn thì Giám đốc Công ty Thủy điện Đồng Nai phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3. Trong quá trình vận hành công trình nếu phát hiện có nguy cơ xảy ra sự cố công trình đầu mối, đòi hỏi phải điều chỉnh tức thời thì Giám đốc Công ty Thủy điện Đồng Nai có trách nhiệm báo cáo sự cố, đề xuất phương án khắc phục để chỉ đạo xử lý, khắc phục sự cố tới Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT, BCH PCTT và TKCN tỉnh Lâm Đồng, Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt nam, Tổng công ty phát điện 1, Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia.

4. Hàng năm phải thực hiện tổng kiểm tra trước mùa lũ theo quy định. Giám đốc Công ty Thủy điện Đồng Nai có trách nhiệm tổ chức kiểm tra các trang thiết bị, các hạng mục công trình, và tiến hành sửa chữa để đảm bảo vận hành theo chế độ làm việc quy định, đồng thời báo cáo kết quả tới Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT, BCH PCTT và TKCN tỉnh Lâm Đồng, Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt nam, Tổng công ty phát điện 1, Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia.

5. Trường hợp có sự cố công trình và trang thiết bị, không thể sửa chữa xong trước ngày 01 tháng 7, Giám đốc Công ty Thủy điện Đồng Nai phải báo cáo ngay tới các cơ quan quy định tại khoản 4 Điều này để chỉ đạo xử lý.

Điều 29. Phương thức thông tin, báo cáo vận hành công trình

1. Các lệnh, ý kiến chỉ đạo, kiến nghị, trao đổi có liên quan đến việc vận hành và chống lũ của hồ chứa Thủy điện Đồng Nai 3 đều phải thực hiện bằng văn bản, đồng thời bằng fax, thông tin trực tiếp qua điện thoại, chuyển bản tin bằng mạng vi tính, sau đó văn bản gốc được gửi để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý.

2. Các lệnh, ý kiến chỉ đạo, thông báo, trao đổi có liên quan đến việc vận hành hồ Đồng Nai 3 qua điện thoại phải được ghi âm và thực hiện theo trình tự sau:

- a) Người có thẩm quyền phát lệnh vận hành công trình;
- b) Người có thẩm quyền tiếp nhận lệnh và nhắc lại lệnh đã nhận được;
- c) Người có thẩm quyền phát lệnh khẳng định lại lệnh đã ban hành.

Điều 30. Sửa đổi, bổ sung Quy trình vận hành hồ chứa Thủy điện Đồng Nai 3

Trong quá trình thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa Thủy điện Đồng Nai 3, nếu có nội dung chưa hợp lý cần sửa đổi, bổ sung, Tổng công ty Phát điện 1, thủ trưởng các đơn vị có liên quan phải kiến nghị kịp thời bằng văn bản gửi Bộ trưởng Bộ Công Thương để xem xét, quyết định. /g



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hoàng Quốc Vượng

PHỤ LỤC 1
THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHÍNH
CỦA CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 3

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3982/QĐ-BCT
ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

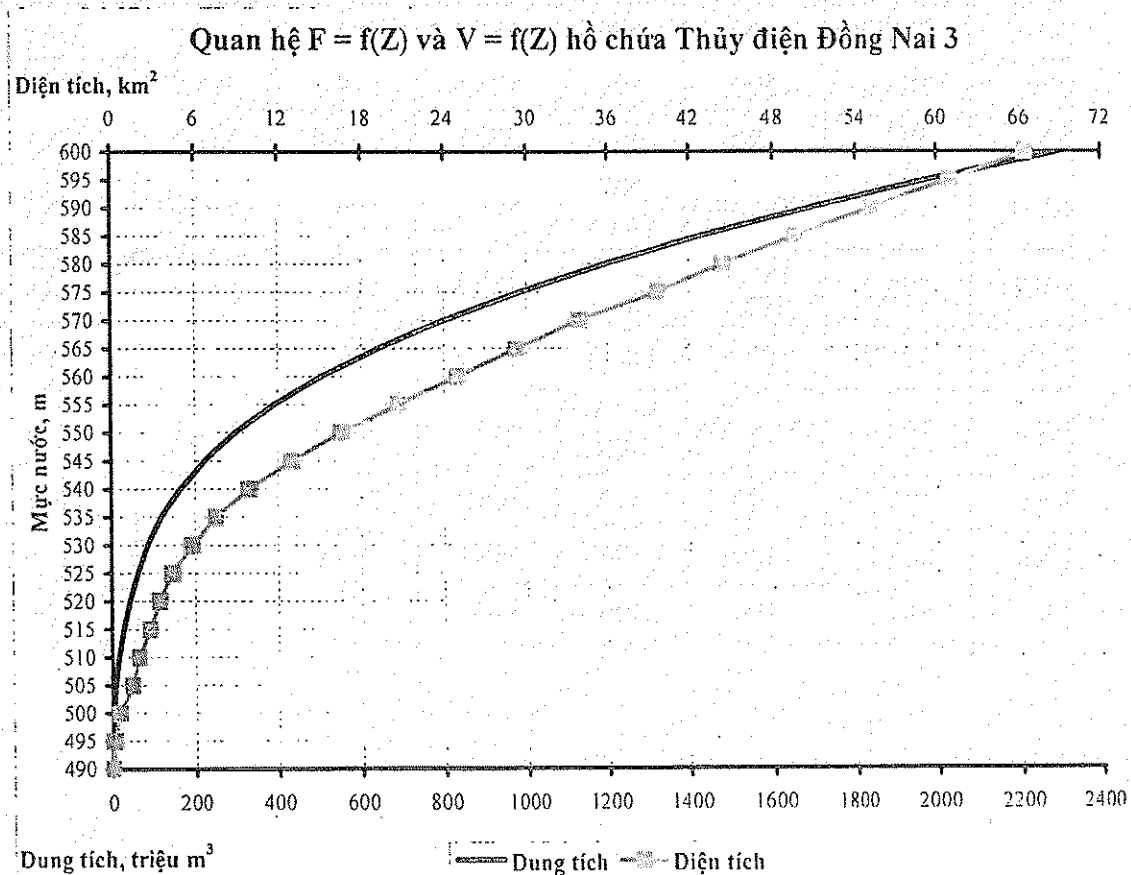
TT	Thông số	Đơn vị	Đồng Nai 3
A	ĐẶC TRƯNG LƯU VỰC		
1	Diện tích lưu vực	km ²	2.441
2	Lượng mưa bình quân năm	mm	1.950
3	Lượng bốc hơi bình quân năm	mm	511
4	Dòng chảy		
-	Lũ P=0.1%	m ³ /s	10.400
-	Lũ P=0.02%	m ³ /s	14.300
-	Lưu lượng bình quân năm	m ³ /s	78,1
B	HỒ CHỨA		
1	Cấp hồ chứa		Đặc biệt
2	Mức nước dâng bình thường (MNDBT)	m	590
3	Mức nước chết (MNC)	m	570
4	Mức nước lũ thiết kế (MNLTk)P=0.1%	m	590
5	Mức nước lũ kiểm tra (MNGC)P=0.02%	m	593,24
6	Dung tích hồ tại MNDBT – Wtb	10 ⁶ m ³	1.690,10
7	Dung tích hữu ích - Whi	10 ⁶ m ³	891,5
8	Diện tích hồ tại MNDBT	km ²	55,181
C	TUYẾN ÁP LỰC		
I	Đập chính		
1	Cấp công trình		Đặc biệt
2	Kết cấu đập		RCC
3	Cao trình đỉnh	m	595
4	Chiều dài đỉnh	m	572
5	Chiều rộng đỉnh	m	10
6	Chiều cao đập max	m	108
7	Mái dốc thượng lưu		0
8	Mái dốc hạ lưu		0,25; 0,75
II	Đập tràn	Vị trí	
1	Khả năng xả với lũ thiết kế (P= 0,1%)	m ³ /s	10.188
2	Khả năng xả với lũ kiểm tra (P= 0,02%)		13.283

TT	Thông số	Đơn vị	Đồng Nai 3
3	Kết cấu tràn		Bê tông cốt thép
4	Cao trình ngưỡng tràn	m	572,5
5	Số khoang tràn		5
6	Khẩu độ tràn	m	5 x (14x17,5)
7	Kích thước cửa van	m	(14x18,4)
8	Hình thức tiêu năng		Mũi phun
D	TUYÊN NĂNG LƯỢNG		
I	Cửa lấy nước		
1	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	215
2	Cao trình ngưỡng	m	553
3	Số khoang		2
4	Lưới chắn rác	2 bộ	(8x14)m
5	Cửa phai	1 bộ	(8x8)m
6	Cửa van sửa chữa - sự cố	1 bộ	(8x8)m
II	Đường hầm dẫn nước		
1	Loại		Áo BT, thép lót
2	Số lượng		1
3	Chiều dài	m	914
4	Đường kính	m	7,0-8,0
III	Đường ống áp lực		
1	Loại		BT, thép lót
2	Số ống		2
3	Đường kính	m	5,0-4,0
4	Chiều dài	m	39
IV	Nhà máy thủy điện		
1	Loại		Hở
2	Lưu lượng lớn nhất qua nhà máy	m ³ /s	215
3	Cao trình sàn lắp máy	m	496
4	Cột nước lớn nhất H _{max}	m	116,4
5	Cột nước nhỏ nhất H _{min}	m	89
6	Cột nước tính toán H _{tt}	m	95
7	Công suất lắp máy	MW	180
8	Công suất đảm bảo	MW	56,3
9	Loại tuốc bin		Francis trục đứng
10	Số tổ máy		2

PHỤ LỤC 2
QUAN HỆ MỨC NƯỚC, DUNG TÍCH
VÀ DIỆN TÍCH HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 3

(Ban hành kèm theo Quyết định số 398/QĐ-BCT
 ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Z	m	490	495	500	505	510	515	520	525
W	10^6 m^3	0	0,26	1,82	7	15,38	27,44	43,47	63,44
F	Km^2	0	0,105	0,516	1,464	1,981	2,844	3,566	4,424
Z	m	530	535	540	545	550	555	560	565
W	10^6 m^3	89,12	122,62	166,28	223,54	297,45	390,74	504,95	640,52
F	Km^2	5,848	7,55	9,913	12,992	16,573	20,74	24,945	29,284
Z	m	570	575	580	585	590	595	570	
W	10^6 m^3	798,58	982,66	1192,94	1428,05	1690,06	1980,43	798,58	
F	Km^2	33,941	39,693	44,418	49,624	55,181	60,966	33,941	



PHỤ LỤC 3.1
TỌA ĐỘ BIỂU ĐỘ ĐIỀU PHỐI VẬN HÀNH HỒ CHỨA
THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 3

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3982/QĐ-BCT
 ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

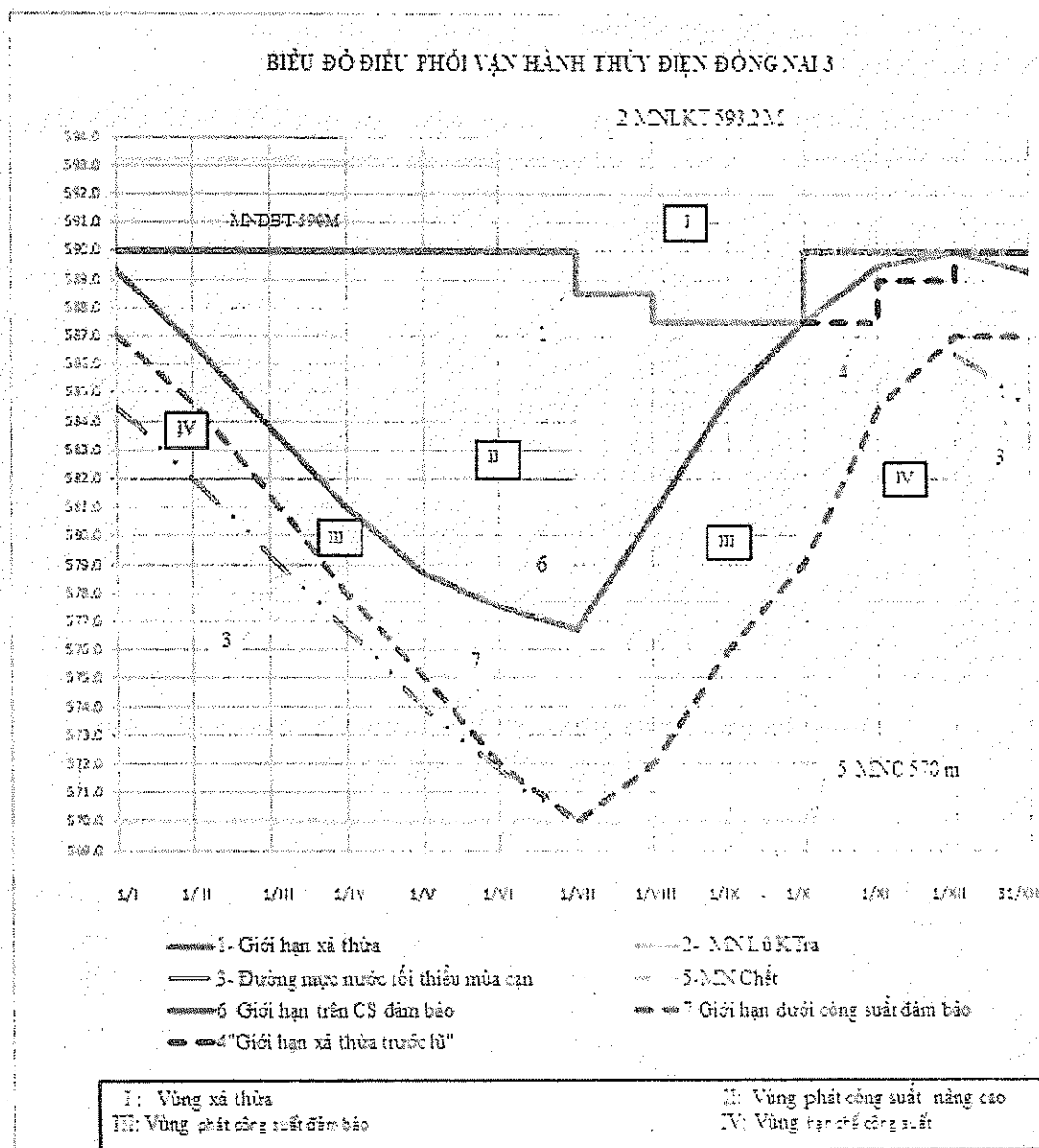
Đơn vị: m

Ngày/ tháng	Vùng I Vùng xả thừa		Vùng II Vùng nâng cao CS đảm bảo		Vùng III Vùng công suất đảm bảo		Vùng IV Vùng hạn chế CS đảm bảo	
	GH trên	GH dưới	GH trên	GH dưới	GH trên	GH dưới	GH trên	GH dưới
1/I	593,2	590	590	589,3	589,3	587,0	587,0	584,5
1/II	593,2	590	590	586,7	586,7	584,6	584,6	582
1/III	593,2	590	590	583,8	583,8	581,4	581,4	579,3
1/IV	593,2	590	590	581,1	581,1	578,0	578,0	576,7
1/V	593,2	590	590	578,7	578,7	575,0	575,0	573,9
1/VI	593,2	590	590	577,6	577,6	571,9	571,9	571,8
1/VII	593,2	590-588,5	590- 588,5	576,7	576,7	570,0	570,0	570
1/VIII	593,2	588,5- 587,5	588,5- 587,5	580,8	580,8	572,0	572,0	570
1/IX	593,2	587,5	587,5	584,8	584,8	576,0	576,0	570
1/X	593,2	587,5-590	587,5- 590	587,5	587,5	579,1	579,1	570
1/XI	593,2	590	590	589,5	589,5	584,5	584,5	570
1/XII	593,2	590	590	590,0	590,0	587,0	587,0	586,4
1/1	593,2	590	590	589,3	589,3	587,0	587,0	584,5

PHỤ LỤC 3.2

BIỂU ĐỒ ĐIỀU PHỐI VẬN HÀNH HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 3

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3982 /QĐ-BCT
ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)



PHỤ LỤC 4

QUAN HỆ MỨC NƯỚC VÀ LƯU LƯỢNG HẠ LƯU THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 3

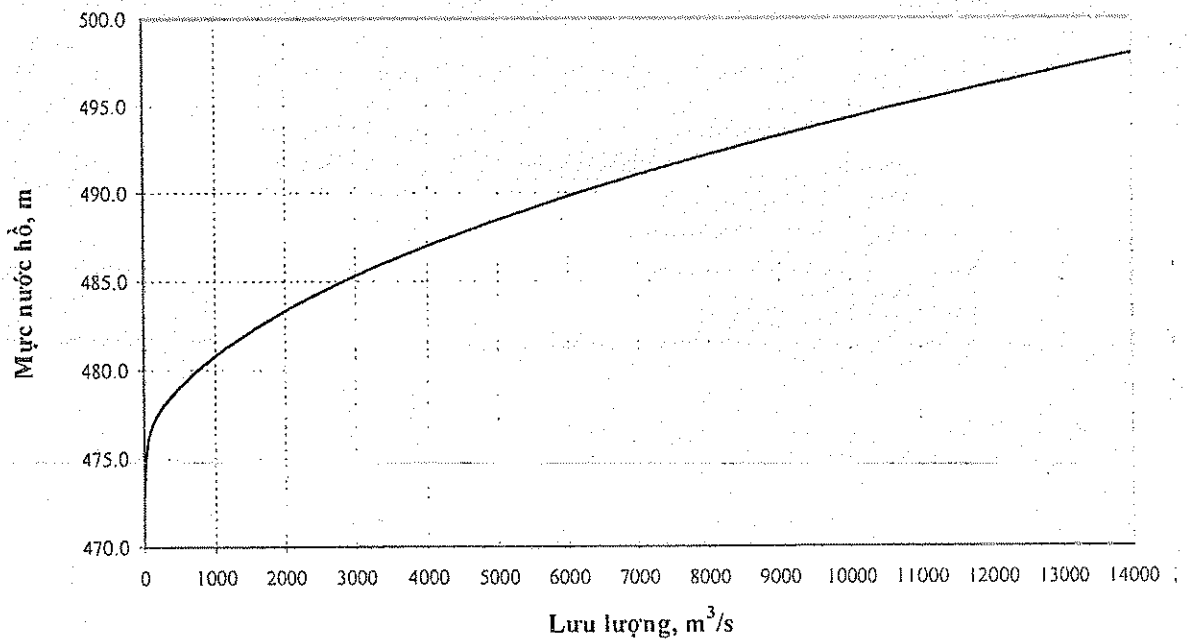
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3982 /QĐ-BCT
ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Quan hệ giữa lưu lượng qua tổ máy và mực nước tại hạ lưu vị trí nhà máy thủy điện ĐN 3 cho trong bảng 2.

Bảng 2. Quan hệ lưu lượng - mực nước hạ lưu nhà máy thủy điện ĐN 3 Q = f(z_{hl}).

Z	m	473.0	473.5	474.0	474.5	475.0	475.5	476.0	476.5
Q	m ³ /s	1.87	4.09	9.08	15.9	26.1	41.2	61.2	89.4
Z	m	477.0	477.5	478.0	478.5	479.0	479.5	480.0	480.5
Q	m ³ /s	132	197	282	379	492	618	756	908
Z	m	481.0	481.5	482.0	482.5	483.0	483.5	484.0	484.5
Q	m ³ /s	1070	1246	1437	1635	1853	2076	2316	2567
Z	m	485.0	485.5	486.0	486.5	487.0	487.5	488.0	488.5
Q	m ³ /s	2828	3104	3390	3689	4003	4328	4664	5016
Z	m	489.0	489.5	490.0	490.5	491.0	491.5	492.0	492.5
Q	m ³ /s	5378	5752	6140	6543	6955	7379	7816	8263
Z	m	493.0	493.5	494.0	494.5	495.0	495.5	496.0	496.5
Q	m ³ /s	8730	9207	9694	10191	10698	11218	11750	12294
Z	m	497.0	497.5	498.0					
Q	m ³ /s	12852	13418	14002					

**Quan hệ giữa mực nước và lưu lượng tại tuyến nhà máy
Thủy điện Đồng Nai 3**

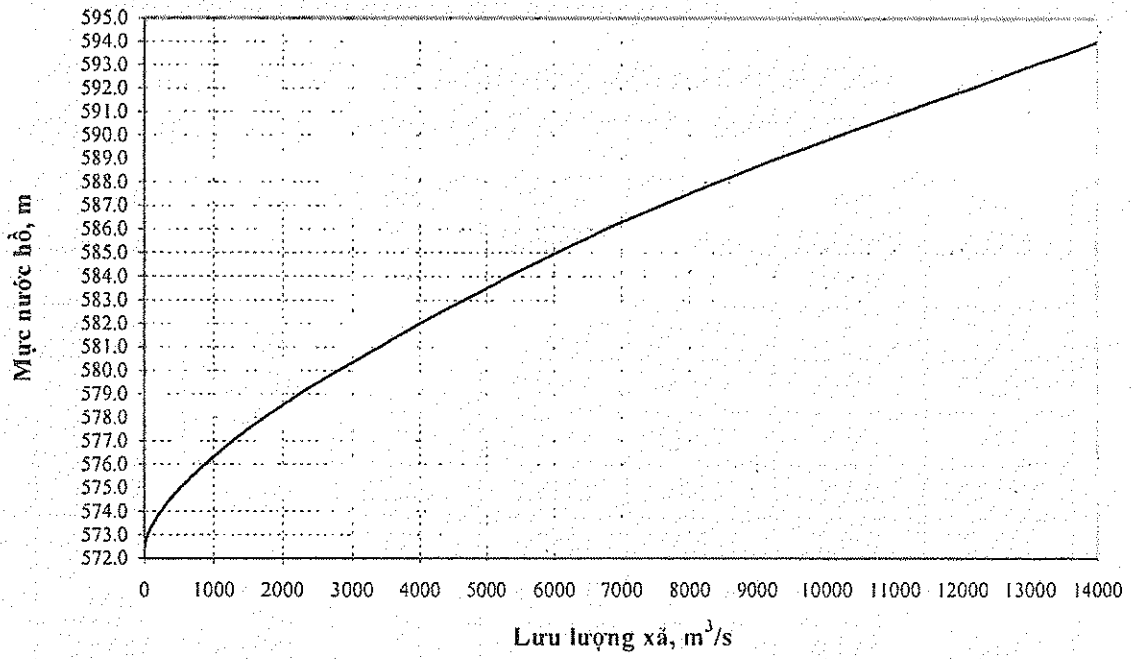


PHỤ LỤC 5
QUAN HỆ GIỮA MỨC NƯỚC VÀ LƯU LƯỢNG
XÃ TRẦN, 5 CỬA MỞ HOÀN TOÀN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3982/QĐ-BCT
 ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Mức nước	Lưu lượng Q	Mức nước	Lưu lượng Q	Mức nước	Lưu lượng Q	Mức nước	Lưu lượng Q
m	m ³ /s	m	m ³ /s	m	m ³ /s	m	m ³ /s
572,5	0	577,25	1386,2	582	3996,7	586,75	7351,8
572,75	15,7	577,5	1499,2	582,25	4152,2	587	7557,1
573	44,5	577,75	1615,3	582,5	4310,7	587,25	7764,8
573,25	82,2	578	1734,5	582,75	4477,8	587,5	7975
573,5	127,1	578,25	1857,1	583	4647,2	587,75	8187,6
573,75	178,5	578,5	1982,8	583,25	4818,8	588	8402,3
574	235,8	578,75	2111,4	583,5	4992,6	588,25	8619
574,25	298,5	579	2242,9	583,75	5167,5	588,5	8836,5
574,5	366,3	579,25	2377,2	584	5335,7	588,75	9056,1
574,75	439,1	579,5	2514,4	584,25	5505,4	589	9277,9
575	516,5	579,75	2654,1	584,5	5676,5	589,25	9502
575,25	598,5	580	2796,3	584,75	5849,2	589,5	9728,5
575,5	684,9	580,25	2941,2	585	6024,1	589,75	9957,2
575,75	775,7	580,5	3088,7	585,25	6204,5	590	10188
576	870,3	580,75	3238,8	585,5	6386,6	590,25	10421,2
576,25	966,6	581	3391,4	585,75	6570,3	590,5	10656,8
576,5	1066,5	581,25	3541,2	586	6755,5	590,75	10894,5
576,75	1169,8	581,5	3691,1	586,25	6948	591	11134,3
577	1276,3	581,75	3843	586,5	7148,8	591,25	11373,7

Quan hệ giữa mực nước hồ và lưu lượng xả qua tràn
Thủy điện Đồng Nai 3 _ 5 cửa mở hoàn toàn



PHỤ LỤC 6
PL6.1: QUAN HỆ GIỮA TRÌNH TỰ MỞ VÀ LƯU LƯỢNG XẢ QUA
TRÀN THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 3 TẠI MỨC NƯỚC DẰNG BT 590 M

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3982/QĐ-BCT
 ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Nấc mở	Độ mở cửa van (m)	Trình tự mở cửa van/Tổng lưu lượng xả qua tràn (m ³ /s)				
		Cửa số I	Cửa số II	Cửa số III	Cửa số IV	Cửa số V
Nấc 1	1	2/298,5	4/597	1/149,25	5/746,3	3/447,8
	2	7/1035,2	9/1324,01	6/890,69	10/1468,45	8/1179,57
Nấc 3	3	12/1752,51	14/2036,57	11/1610,48	15/2178,6	13/1894,56
	4	17/2456,42	19/2734,24	16/2317,51	20/2873,15	18/2595,33
Nấc 4	5	22/3145,01	24/3416,87	21/3009,08	25/3552,8	23/3280,94
	6	27/3819,04	29/4085,28	26/3685,92	30/4218,4	28/3952,16
	7	32/4479,62	34/4740,84	31/4349,01	35/4871,45	33/4610,23
	8	37/5128,77	39/5386,09	36/5000,11	40/5514,75	38/5257,43
	9	42/5769,29	44/6023,83	41/5642,02	45/6151,1	43/5896,56
	10	47/6404,74	49/6658,38	46/6277,92	50/6785,2	48/6531,56
Nấc 5	Mở hoàn toàn	52/8146,32	54/9507,44	51/7465,76	55/10188	53/8826,88

Ghi chú: Tử số thể hiện số thứ tự các bước mở cửa van (trình tự mở)

Mẫu số thể hiện tổng lưu lượng xả qua tràn tương ứng với trình tự mở đó (m³/s).

PL6.2: QUAN HỆ GIỮA TRÌNH TỰ MỞ VÀ LƯU LƯỢNG XẢ QUA TRÀN THỦY ĐIỆN ĐÔNG NAI 3 TẠI MN TRƯỚC LŨ 587.5 M

Nấc mở	Độ mở cửa van (m)	Trình tự mở cửa van/Tổng lưu lượng xả qua tràn (m ³ /s)				
		Cửa số I	Cửa số II	Cửa số III	Cửa số IV	Cửa số V
Nấc 1	1	2/274,4	4/548,8	1/137,21	5/686,1	3/411,6
	2	7/953,4	9/1220,85	6/819,71	10/1354,55	8/1087,13
Nấc 3	3	12/1615,05	14/1875,55	11/1484,8	15/2005,8	13/1745,28
	4	17/2259,82	19/2513,84	16/2132,81	20/2640,85	18/2386,83
	5	22/2888,65	24/3136,45	21/2764,75	25/3260,35	23/3012,55
Nấc 4	6	27/3502,53	29/3744,71	26/3381,44	30/3865,8	28/3623,62
	7	32/4103,88	34/4341,96	31/3984,84	35/4461	33/4222,92
	8	37/4696,16	39/4931,32	36/4578,58	40/5048,9	38/4813,74
	9	42/5283,44	44/5517,98	41/5166,17	45/5635,25	43/5400,71
	10	47/5875,77	49/6116,29	46/5755,51	50/6236,55	48/5996,03
Nấc 5	Mở hoàn toàn	52/6931,93	54/7627,31	51/6584,24	55/7975	53/7279,62

PL6.3: QUAN HỆ GIỮA TRÌNH TỰ MỞ VÀ LƯU LƯỢNG XẢ QUA TRÀN THỦY ĐIỆN ĐÔNG NAI 3 TẠI MN ĐÓN LŨ 586.7 M

Nấc mở	Độ mở cửa van (m)	Trình tự mở cửa van/Tổng lưu lượng xả qua tràn (m ³ /s)				
		Cửa số I	Cửa số II	Cửa số III	Cửa số IV	Cửa số V
Nấc 1	1	2/267,7	4/535,4	1/133,86	5/669,3	3/401,6
	2	7/929,9	9/1190,42	6/799,54	10/1320,7	8/1060,12
Nấc 3	3	12/1574,24	14/1827,78	11/1447,47	15/1954,55	13/1701,03
	4	17/2201,45	19/2448,35	16/2078	20/2571,8	18/2324,9
	5	22/2812,38	24/3052,96	21/2692,09	25/3173,25	23/2932,67
Nấc 4	6	27/3408,65	29/3644,05	26/3290,95	30/3761,75	28/3526,35
	7	32/3992,85	34/4223,95	31/3877,3	35/4339,5	33/4108,4
	8	37/4568,78	39/4798,06	36/4454,14	40/4912,7	38/4683,42
	9	42/5143,58	44/5374,46	41/5028,14	45/5489,9	43/5259,02
	10	47/5727,72	49/5965,54	46/5608,81	50/6084,45	48/5846,63
Nấc 5	Mở hoàn toàn	52/6591,39	54/7098,33	51/6337,92	55/7351,8	53/6844,86

PHỤ LỤC 7
TỌA ĐỘ ĐƯỜNG MỰC NƯỚC TỐI THIỂU MÙA CẠN
(THEO QTVHLH)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3982/QĐ-BCT
 ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Giới hạn mực nước tối thiểu hồ chứa Đồng Nai 3 ứng với các thời điểm mùa cạn					
Thời điểm (ngày, tháng)	Mực nước hồ (m)	Thời điểm (ngày, tháng)	Mực nước hồ (m)	Thời điểm (ngày, tháng)	Mực nước hồ (m)
1/12	586,4	11/3	578,4	21/6	570,5
11/12	585,8	21/3	577,6	30/6	570
21/12	585,2	1/4	576,7		
1/1	584,5	11/4	575,8		
11/1	583,7	21/4	574,9		
21/1	582,8	1/5	573,9		
1/2	582,0	11/5	573,2		
11/2	581,1	21/5	572,5		
21/2	580,3	1/6	571,8		
1/3	579,3	11/6	571,1		